

BIỆN PHÁP TU TỪ NGHỊCH NGỮ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH

Lê Bảo Anh*, Tản Thị Nọ, Nguyễn Ngọc Mai, Hà Thị Như Quỳnh
Trường Đại học Tây Bắc

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 23/4/2024

Ngày nhận đăng: 25/6/2024

Từ khoá: Ngôn ngữ học; Biện pháp tu từ; Nghịch ngữ; Nguyễn Bình

TÓM TẮT

Bằng việc khảo sát các tác phẩm thơ của Nguyễn Bình, bài báo nghiên cứu biện pháp tu từ nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bình trên phương diện cấu tạo và giá trị. Nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bình có ba kiểu cấu tạo là cặp từ, cặp cụm từ và mệnh đề. Nhà thơ sử dụng nghịch ngữ để biểu đạt những mâu thuẫn, nghịch lí của cuộc sống con người, đồng thời thể hiện những suy tư cá nhân về cuộc đời và bản thể. Nghịch ngữ thể hiện một chân dung Nguyễn Bình tài năng và sâu sắc.

1. Đặt vấn đề

Nhà thơ Nguyễn Bình là một tên tuổi có ảnh hưởng lớn trong lịch sử thơ ca Việt Nam. Ông đặc biệt nổi tiếng với những bài thơ sâu lắng và mang tính nhân văn cao, thể hiện qua những tác phẩm với chủ đề tình yêu, quê hương, và con người. Nguyễn Bình đã đưa vào thơ một cảm xúc sâu lắng, tầm nhìn triết học và những giá trị đích thực của cuộc sống, tạo nên một dấu ấn riêng biệt trong văn học Việt Nam. Thông qua ngôn ngữ chất lọc, ông đã khắc họa nên hình ảnh đẹp, bức tranh sinh động về cuộc sống và tâm hồn con người Việt. Nguyễn Bình được đánh giá cao vì sự tinh tế, sâu sắc trong cách xử lý ngôn ngữ và ý nghĩa trong từng câu thơ, để lại dư âm và tầm ảnh hưởng lớn trong thơ ca Việt Nam. Ông xuất hiện như một hiện tượng văn học hết sức rực rỡ, được đánh giá là một trong ba cao của Thơ Mới, làm vực dậy cái “hồn” Thơ Mới trong thời khắc cuối cùng của nó. Bài báo nghiên cứu những đặc điểm của thơ Nguyễn Bình về phương diện nghệ thuật, tập trung vào khảo sát và phân tích các đặc điểm của biện pháp tu từ nghịch ngữ trong thơ ông.

2. Khái niệm biện pháp tu từ nghịch ngữ

Biện pháp tu từ nghịch ngữ (nghịch dụ) được các nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm từ khá sớm. Có hai quan niệm về hiện tượng này. Quan niệm thứ nhất thuộc về các tác giả Nguyễn Như Ý và Lê Đức Trọng. Nguyễn Như Ý [1] cho rằng: “nghịch dụ là biện pháp tu từ nhằm tăng cường sắc thái, hình ảnh, lời nói thể hiện trong sự phối hợp của hai khái niệm trái

ngược nhau (bằng hai từ có ý nghĩa đối lập với nhau). Ví dụ: *sự rã rời thú vị, niềm vinh quang cay đắng*”. Theo Lê Đức Trọng [2] thì “nghịch dụ (phép) là hình thái tu từ của lời nói bao gồm việc liên kết hai khái niệm đối nghĩa nhau (tức hai từ trái nghĩa) loại trừ nhau về mặt lô gích. Ví dụ: *cái chết bất tử, sự cay đắng ngọt ngào, sự im lặng hùng hồn...*”

Quan niệm thứ hai không chỉ nhìn nhận nghịch ngữ như một kết cấu mâu thuẫn mà quan tâm đến sự hợp lí và lô gích của kết cấu này. Tiêu biểu cho quan niệm này là tác giả Đinh Trọng Lạc. Theo ông [3], “nghịch ngữ (còn gọi: nghịch dụ) là một biện pháp tu từ ngữ nghĩa cốt ở việc kết hợp liên nhau hoặc gần nhau những đơn vị cú pháp đối lập nhau về nghĩa trong quan hệ ngữ pháp chính phụ, để tạo nên sự khẳng định đôi khi rất bất ngờ, nhưng lại rất tự nhiên, thuận lí, biện chứng”. Ví dụ: *bi kịch lạc quan* (Tuốc ghê nhép), *âm thanh im lặng* (Vũ Quần Phương), *kẻ sát nhân lương thiện* (Lại Văn Long)...”. Cùng quan điểm với Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thế Truyền [4] cho rằng: “nghịch ngữ là phép tu từ dùng cách nói bề ngoài có vẻ mâu thuẫn nhưng bên trong chứa đựng một hạt nhân hợp lí về nhận thức – triết lí”.

Trong bài báo này, chúng tôi thống nhất với quan điểm của nhóm tác giả thứ hai, hiểu nghịch ngữ theo nghĩa rộng. Nghịch ngữ là một kết cấu ngôn ngữ bao gồm hai yếu tố có ý nghĩa trái ngược nhau, bề ngoài có hình thức mâu thuẫn nhưng bên trong chứa đựng một nội dung hợp lí, lô gích. Nói cách khác, nghịch ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, người nói (người viết)

sử dụng trong cùng một câu hoặc một đoạn văn những từ ngữ hoặc câu có nghĩa trái ngược nhau của một đối tượng hoặc nhiều đối tượng (thường là hai) nhằm tạo ra cách nói nghịch lí, bất ngờ nhằm thể hiện được đúng nhận xét về đối tượng được nói đến một cách hiệu quả.

3. Đặc điểm cấu tạo của nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bính

Khảo sát 120 bài thơ của Nguyễn Bính giai đoạn 1930 – 1945 (nguồn tư liệu khảo sát: thivien.net), chúng tôi tìm được 21 biểu thức nghịch ngữ. Về đặc điểm cấu tạo, các biểu thức nghịch ngữ này có ba kiểu cấu tạo: nghịch ngữ bao gồm cặp từ; nghịch ngữ bao gồm cặp cụm từ và nghịch ngữ là mệnh đề.

TT	Kiểu cấu tạo	Số lượng	Tỉ lệ
1	Cặp từ trái nghĩa	5	24%
2	Cặp cụm từ đối lập	11	52%
3	Mệnh đề	5	24%
Tổng		21	100%

Nhận xét, phần lớn biểu thức nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bính có cấu tạo bao gồm các cặp cụm từ, biểu thức nghịch ngữ là cặp từ và mệnh đề có số lượng tương đương nhau.

3.1. Nghịch ngữ bao gồm cặp từ

Ở trường hợp này, nghịch ngữ là kết cấu ngôn ngữ có chứa hai từ đối lập nhau về nghĩa. Cặp từ này có thể là danh từ:

- (1) Có vài đám cưới mới đi qua,
CÁCH một vài hôm, một đám ma.
(Vườn hoang)
- (2) Đầu bù, quán trọ, làm thơ,
Chàng Phan thuở trước, bây giờ chàng Phan. (Đêm mưa)
hoặc động từ:
- (3) Khách tạm vui trong những lúc buồn,
Tạm ngừng giọt lệ ngập ngừng tuôn,
Tạm yêu trên bước đường hiu quạnh,
Tạm kiếm cho môi một chiếc hôn. (Vô tình)
- (4) Con tàu ngược, con tàu xuôi,
Con tàu chẳng đợi chờ tôi bao giờ. (Xa xôi)
Cặp từ đối lập này có khi là danh từ - động từ:

- (5) Hà Nội có hồ loạn tiếng ve,
Nắng dâng làm lụt cả trưa hè. (Nhớ người trong nắng).

3.2. Nghịch ngữ bao gồm cặp cụm từ

Nghịch ngữ là kết cấu ngôn ngữ có chứa hai cụm từ đối lập nhau về nghĩa. Đó có thể là cụm danh từ:

- (6) Bờ sông thấp, nước sông cao,
Lá thuyền này đã trôi vào bến anh. (Thư lá vàng)
- (7) Xuân tàn rồi, hết mùa hoa,
Đường gần bướm vắng, đường xa bướm về.
(Vô duyên)
- (8) Hoa đi đón rước bao nhiêu bướm,
Từ bướm xuân xanh đến bướm già. (Hương cố nhân)
- (9) Trời mưa ướt áo làm gì?
Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng.
Người ta: pháo đỏ rượu hồng,
Mà trên hôn chị: một vòng hoa tang.
(Lỡ bước sang ngang)
- (10) Giời không nắng thì giời mưa,
Biết con người ấy có chờ anh chẳng? (Nước mây lần xanh)
- (11) Cửa nhà này chút lửa hương,
Bón dây tơ héo, một vườn hoa tươi.
Ngũ Nương chẳng chút biếng lười,
Hoa đầy sớm sớm, đàn voi chiều chiều.
(Thái Sinh cưới Ngũ Nương)
hoặc cụm động từ:
- (12) Nào có ngờ đâu đương tuổi xuân,
Mà tôi chết dở đã bao lần! (Nàng thành thiếu phụ)
- (13) Hôm nay tôi cưới vợ rồi,
Từ nay tôi đã là người bỏ đi! (Cưới vợ)
- (14) Vót lên, thả xuống sao đành,
Anh gửi cho mình, giữ lấy mình ơi! (Thư lá vàng)
- (15) Giời còn bắt sống mà mang hận,
Chả chết cho thành một đám ma. (Những trang nhật kí)
- Nghịch ngữ cũng có khi bao gồm các quán ngữ đối lập:
- (16) Chẳng cho liền cánh, liền cành,
Đầy em trên ấy, đọa anh dưới này. (Ngưu Lang Chức Nữ)

3.3. Nghịch ngữ là mệnh đề

Nghịch ngữ là một kết cấu mệnh đề gồm hai vế mang ý nghĩa đối lập nhau:

(17) *Tình tôi là giọt thủy ngân,
Dù nghiền chẳng nát, dù lăn vẫn tròn.*

Tình cô là đoá hoa đơn,

Bình minh nở để hoàng hôn mà tàn. (Tình tôi I)

(18) *Thế rồi máu trở về tim,
Duyên làm lành chị duyên tìm về môi.*

Chị nay lòng ấm lại rồi,

Mối tình chết đã có người hồi sinh. (Lỡ bước sang ngang)

(19) *Nhưng mùa đông ấy, sau xe cưới,
Pháo đỏ giăng dây thắm trước lầu*

Chú rể vui mừng châm lửa đốt

Đốt tan mộng đẹp của cô dâu. (Bao nhiêu đau khổ của trần gian, trời đã dành riêng để tặng nàng)

(20) *Ta như qua tuổi, nó là phương non*

Đời tươi như những khuyển son

Thái ông hy vọng cho con nên người,

Trước là tỏ mặt với đời,

Sau là vui hưởng phúc trời cũng hay (Thái Sinh gặp Ngũ Nương)

(21) *Đêm ấy chăn êm kẻ gối êm*

Vợ chồng ăn bánh của bà Tiên

Ăn xong thoát chốc liền thay lột

Chồng hoá làm anh, vợ hoá em. (Truyện cổ tích)

4. Giá trị của nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bính

Nghịch ngữ luôn tồn tại hai tầng ngữ nghĩa: tầng nghĩa thông thường, hiển ngôn và tầng nghĩa hàm ẩn sâu xa, ẩn với ngữ cảnh cụ thể, mang đậm dấu ấn cá nhân của mỗi tác giả. Nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bính cũng vậy. Biện pháp tu từ này thực hiện đầy đủ các chức năng thông báo, tác động và thẩm mỹ, tạo nên giá trị biểu hiện và giá trị phong cách riêng biệt.

4.1. Nghịch ngữ biểu hiện những mâu thuẫn, nghịch lý của cuộc sống con người

Điểm nổi bật về nội dung thơ Nguyễn Bính nói riêng và phong trào Thơ mới nói chung là tái hiện cái Tôi với nỗi buồn sâu sắc. Trong thơ

của Nguyễn Bính, nỗi buồn thường được thể hiện một cách sâu sắc và tinh tế thông qua những hình ảnh đậm chất nhân văn. Ông đưa vào thơ những cung bậc cảm xúc đau thương, lưu luyến và mất mát, tạo ra không gian tâm trạng u sầu và đầy xót thương khiến cho nỗi buồn trở nên khá chân thực và đầy cảm xúc, thúc đẩy người đọc suy tư và đồng cảm với nỗi đau và khổ đau trong cuộc sống.

Tình yêu và hôn nhân tưởng chừng là điều kỳ diệu tuyệt vời mà tạo hoá ban tặng cho con người. Nhưng trong thơ Nguyễn Bính, những cuộc tình và những đám cưới lại trở thành những điều xót xa, trái ngang và tuyệt vọng.

- *Tình tôi là giọt thủy ngân,*

Dù nghiền chẳng nát, dù lăn vẫn tròn.

Tình cô là đoá hoa đơn,

Bình minh nở để hoàng hôn mà tàn. (Tình tôi I)

- *Hôm nay tôi cưới vợ rồi,*

Từ nay tôi đã là người bỏ đi! (Cưới vợ)

- *Trời mưa ướt áo làm gì?*

Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng.

Người ta: pháo đỏ rêu hồng,

Mà trên hôn chị: một vòng hoa tang. (Lỡ bước sang ngang)

- *Nhưng mùa đông ấy, sau xe cưới,*

Pháo đỏ giăng dây thắm trước lầu

Chú rể vui mừng châm lửa đốt

Đốt tan mộng đẹp của cô dâu. (Bao nhiêu đau khổ của trần gian, trời đã dành riêng để tặng nàng).

Như vậy, tình yêu trở thành niềm đau, hôn nhân trở thành nấm mồ chôn cất những xúc cảm và ước mơ tuổi trẻ. Điều này tưởng như nghịch lý nhưng lại cũng thuận lý. Bởi sắc màu của tình yêu và hôn nhân rõ ràng không chỉ có màu hồng như xác pháo. Yêu có thể gắn liền với hận, hợp có thể gắn liền với tan, niềm vui luôn đi đôi với nỗi buồn.

Không chỉ tình yêu và hôn nhân, ngay cả sự hiện diện của con người cũng đầy nghịch lý. Sự có mặt của con người trong cuộc đời dường như chỉ còn là những chuỗi ngày tồn tại chứ không phải được sống. Một loạt các nghịch ngữ đã tái hiện cuộc sống bơ vơ không hi vọng, không tương lai, không mơ ước:

- *Có vài đám cưới mới đi qua,*

Cách một vài hôm, một đám ma. (Vườn hoang)

- Giời không nắng thì giời mưa,

Biết con người ấy có chờ anh chẳng? (Nước mấy lần xanh)

- Giời còn bất sống mà mang hận,

Chả chết cho thành một đám ma. (Những trang nhật kí)

- Nào có ngờ đâu đương tuổi xuân,

Mà tôi chết dờ đã bao lần! (Nàng thành thiếu phụ)

Nhìn cuộc sống từ góc nhìn của nghịch cảnh giúp nhà thơ hiểu rõ hơn những giá trị của đời người. Không thiếu những nghịch ngữ được dùng để nói về sự kì diệu và đẹp đẽ của cuộc đời:

- Thế rồi máu trở về tim,

Duyên làm lành chị duyên tìm về môi.

Chị nay lòng ảm lại rồi,

Mối tình chết đã có người hồi sinh. (Lỡ bước sang ngang)

Nghịch ngữ *Mối tình đã chết của người hồi sinh* có thể xem là nghịch ngữ độc đáo bậc nhất trong thơ Nguyễn Bính. Nó thể hiện niềm tin đặc biệt của nhà thơ về hạnh phúc cuối cùng của con người.

4.2. Nghịch ngữ biểu hiện tư duy thơ độc đáo

Tư duy phân cực (lưỡng phân) thể hiện qua nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bính phản ánh sự sâu sắc và nhạy bén trong việc nhìn nhận cuộc sống, con người và thế giới xung quanh. Nhà thơ đã đưa vào thơ một cách tiếp cận triết học, nhân văn, và những suy tư về bản ngã, đạo đức, và giá trị con người. Nguyễn Bính được xem là một trong những nhà thơ tài năng đặc biệt của văn học Việt Nam. Với sự sáng tạo trong sử dụng từ ngữ, ông đã tạo ra những bài thơ sâu lắng, lôi cuốn người đọc bằng cách diễn đạt cảm xúc một cách tinh tế và chân thực. Tài năng thơ của Nguyễn Bính thể hiện ở khả năng sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ, và cảm xúc trong từng dòng thơ. Tính chất sáng của Nguyễn Bính không chỉ nằm ở cách ông sử

dụng ngôn ngữ mà còn ở việc sâu lắng hiểu biết về tâm hồn con người, về những khía cạnh tinh thần và xã hội, điều này đã giúp tác phẩm thơ của ông trở nên đầy sức sống và ý nghĩa.

5. Kết luận

Dù xuất hiện không nhiều, nhưng các biểu thực nghịch ngữ trong thơ Nguyễn Bính thực sự có những đóng góp quan trọng. Nghịch ngữ giúp những bài thơ của Nguyễn Bính mang đậm tâm hồn dân tộc, chủ yếu tập trung vào tình cảm, quê hương, và con người. Thơ Nguyễn Bính thường xuất phát từ những khao khát, những suy tư sâu sắc về tình người, về cuộc sống và về cái đẹp của tự nhiên. Thơ của ông còn thể hiện sự phản ánh sâu sắc về những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, khuyến khích độc giả suy ngẫm và tìm kiếm ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Điều này đã tạo nên dấu ấn riêng biệt của Nguyễn Bính trong văn học Việt Nam.

Lời cảm ơn: Các tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Tây Bắc và các thầy cô khoa Khoa học Xã hội đã hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn chúng tôi thực hiện đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học, để áp dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn văn học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, 1997.
- [2] Lê Đức Trọng, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
- [3] Đinh Trọng Lạc, *99 biện pháp và phương tiện tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2012.
- [4] Nguyễn Thế Truyền, *Đối chiếu đặc điểm của phép tu từ nghịch ngữ trong tiếng Hán, tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

THE RHETORICAL FIGURES OF ANTITHESIS IN NGUYEN BINH'S POETRY

Le Bao Anh*, Tan Thi Neo, Nguyen Ngoc Mai, Ha Thi Nhu Quynh
Tay Bac University

Abstract: *By surveying the poems of Nguyễn Bính, the article researches the rhetorical figures of antithesis in Nguyễn Bính's poetry in terms of structure and value. Antithesis in Nguyễn Bính's poetry consists of three types of structures: pairs of words, pairs of phrases, and clauses. The poet uses antithesis to express the contradictions, paradoxes of human life, as well as to demonstrate personal reflections on life and self. Antithesis portrays a portrait of Nguyễn Bính's talent and profundity.*

Keywords: *Linguistics ; Rhetorical figures ; Antithesis; Nguyễn Bính*